| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN A**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 472/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09/12/2020
*V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Mai Việt Quốc

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lê Văn Phu;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền;

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Ông Nguyễn Thị Thảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa*: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 566/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 587/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Ngô Thị Kim N, sinh năm: 1993. (có mặt)

*Bị đơn*: Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Cùng cư trú: Số nhà 83, ấp Bn, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2020 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Ngô Thô Kim N trình bày: Hôn nhân của bà với ông Huỳnh Văn C tự tìm hiểu, sống chung vào năm 2016, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A vào ngày 07/02/2017. Nguyên nhân mâu thuẩn bà và ông C không hợp nhau, bất đồng quan

điểm. Bà và ông C ly thân từ tháng 3/2018 đến nay. Trong thời gian ly thân, gia đình hai bên không đứng ra hàn gắn. Nay, bà không còn tình cảm nên xin ly hôn với ông C.

*Về con chung*: Có 01 con chung Huỳnh Quang V, sinh ngày 24/4/2017. Hiện nay cháu V đang sống với ông C. Khi ly hôn, bà đồng ý để ông C tiếp tục nuôi con chung, bà tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi cháu V trưởng thành và sống tự lập.

*Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho ông C theo quy định nhưng ông C vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà N, ông C để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được: Căn cứ vào sổ hộ khẩu bà N cung cấp (sao y) thì xác định ông C vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp B, xã Q, tỉnh An Giang.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 29/10/2020 được bà Đào Kim T cho biết: Bà là mẹ ruột của bà N, ông C là chồng bà N. Bà Ng, ông C có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn thì bà không biết nhưng N và C không còn sống chung từ tháng 3/2018 đến nay. Trong thời gian này thì gia đình hai bên không hàn gắn. N và C có 01 con chung Huỳnh Quang V, sinh ngày 24.4.2017. Cháu V hiện do ông C nuôi.

Tại phiên tòa, bà N bảo lưu ý kiến. Riêng ông C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Ngô Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn C. Đồng thời, ông C còn cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà N, ông C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà N xin ly hôn với ông C, Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân giữa bà N và ông C đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Mâu thuẫn giữa bà N, ông C phù hợp với lời trình bày của bà Đào Kim T (mẹ ruột bà N). Xét thấy mâu thuẫn của bà N, ông C không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của bà N theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà N, ông C có 01 con chung Huỳnh Quang V, sinh ngày 24/4/2017. Cháu V hiện do ông C nuôi dạy. Khi ly hôn, bà N đồng ý để ông C tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay thì cháu V sống với ông C, bà N đồng ý để ông C tiếp tục nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện sống của con chung, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận để cho ông C tiếp tục nuôi dạy cháu V là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi cháu V trưởng thành và tự lập nên công nhận sự tư nguyện của bà N. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Ông C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Ngô Thị Kim N.

Về hôn nhân: Bà Ngô Thị Kim N được ly hôn với ông Huỳnh Văn C.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16 ngày 0702/2017 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Ông Huỳnh Văn C được tiếp tục nuôi dạy cháu Huỳnh Quang V, sinh ngày 24/4/2017. Công nhận sự tự nguyện của bà N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng cho đến khi cháu V trưởng thành và sống tự lập. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông C cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004799 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Bà N nộp thêm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/12/2020), bà N đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông C được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**** Nơi nhận:***
*- TAND tỉnh AG (1);*
*- VKS tỉnh AG (1);*
*- VKS huyện AP (2);*
*- THADS huyện AP (1);*
*- UBND xã Q (1);*
*- Các đương sự (2);*
*- Lưu VP (1);*
*- Lưu HS (1).*

**Mai Việt Quốc**